

TẬP A-HÀM QUYỂN 2

KINH 33. PHI NGÃ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã, không nên ở nơi sắc mà bệnh, khổ sanh và cũng không thể có ước muốn khiến như vậy hay không như vậy đối với sắc. Vì sắc là vô ngã cho nên ở nơi sắc có bệnh, khổ sanh và nó cũng có ước muốn khiến như vậy, hay không như vậy đối với sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

“Tỳ-kheo, ý người thế nào, sắc là thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là vô thường, bạch Thế Tôn.”

“Tỳ-kheo, nếu là vô thường, thì có phải là khổ?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là khổ, bạch Thế Tôn.”

“Vậy, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có nên thấy là có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau²?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Không nên, bạch Thế Tôn.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không phải khác ngã, hay không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật chúng là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi

¹. Bản Phật Quang quyển 4, kinh 79. Quốc Dịch quyển 3, phẩm 7. Đại Chánh, quyển 2. Pāli, S. 22. 59. Pañca.

². Bản Pāli: etaṃ mama eo'ham asmi eso attā ti, cái này là của tôi; cái này là tôi; cái này là tự ngã của tôi.

quán sát như thật rồi, thì đối với thế gian không có gì phải chấp thủ. Vì đã không có gì để chấp thủ, nên cũng không có gì để đấm trước. Vì đã không có gì để đấm trước, nên tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 34. NGŨ TỖ-KHEO³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

“Sắc không có ngã⁴. Nếu sắc mà có ngã, thì bệnh, khổ không thể sanh nơi sắc được, cũng không thể có ước muốn khiến cho như vậy hay không như vậy đối với sắc được. Vì sắc là vô ngã, cho nên nơi sắc bệnh, khổ sanh và cũng có thể có ước muốn khiến cho như vậy hay không như vậy được. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Tỳ-kheo, ý người thế nào, sắc là thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là vô thường, bạch Thế Tôn.”

“Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là khổ, bạch Thế Tôn.”

“Tỳ-kheo, vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc có nên thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Không nên, bạch Thế Tôn.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

³. Pāli, S. 22. 59. Pañca.

⁴. Sắc phi hữu ngã ---D---. Pāli: rūpam bhikkhave anattā.

“Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát như thật tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải là ngã sở. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Ngày Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật, thấy chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với thế gian đều không có gì để thủ. Vì không có gì để thủ, nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước, cho nên tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 35. TAM CHÁNH SĨ ⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tinh xá Trúc viên, tại Chi-đề.

Bấy giờ có ba vị Chánh sĩ⁶ mới xuất gia. Đó là Tôn giả A-nậu-luật-đà⁷, Tôn giả Nan-đề⁸, Tôn giả Kim-tỳ-la⁹.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết trong tâm họ đang nghĩ những gì, nên răn dạy họ rằng:

“Tỳ-kheo, đây là tâm, đây là ý, đây là thức. Hãy tư duy điều này. Chớ tư duy điều này. Hãy đoạn trừ dục này, đoạn trừ sắc này, tự thân tác chứng, thành tựu và an trụ.

“Tỳ-kheo, có sắc nào là thường còn, không biến dịch, tồn tại mãi không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

-
5. Không có Pāli tương đương.
 6. Đây chỉ ba công tử họ Thích.
 7. A-nậu-luật-đà ---y---. Pāli: Anuruddha.
 8. Nan-đề ---. Pāli: Nandiya.
 9. Kim-tỳ-la ---s---. Pāli: Kimbila.

“Bạch không, Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường, là pháp biến dịch, yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. Sắc như vậy từ xưa tới nay, tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch. Khi đã biết như vậy rồi, thì tất cả các lậu, hại, xí nhiên, ưu não đã từng duyên vào sắc này mà sanh ra, thấy đều bị đoạn diệt. Khi đã đoạn diệt rồi, thì không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để chấp trước rồi, thì sống an lạc. Khi đã sống an lạc rồi, thì đạt được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Khi Đức Phật nói kinh này, ba vị Chánh sĩ lậu hoặc không còn khởi lên nữa, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 36. THẬP LỤC TỖ-KHEO¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Khi Đức Phật ở trong vườn xoài Tán cái, bên bờ sông Bạt-đề, nước Ma-thâu-la¹¹.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy an trú nơi hòn đảo chính mình¹², an trú nơi nương tựa chính mình¹³, an trú nơi hòn đảo pháp¹⁴, an trú nơi nương tựa pháp¹⁵, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nương tựa nơi nào khác.

“Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi

¹⁰. Pāli, S. 22. 43. Attapīpa.

¹¹. Ma-thâu-la ——— F Pāli: Mathurā. Bản Pāli, Sāvattthinidānaṃ, nhân duyên ở Xá-vệ.

¹². Hán: tự châu ——. Pāli: attadīpa.

¹³. Hán: tự y ——. Pāli: attasaraṇā.

¹⁴. Hán: Pháp châu —k—. Pāli, dhammadīpa, pháp là hòn đảo.

¹⁵. Hán: pháp y —k—. Pāli, dhammasaraṇā, pháp là nơi nương tựa.

nướng tựa nào khác.

“Do nhân gì mà ưu, bi, khổ, não sanh? Tại sao có bốn? Do bởi đâu bị cái gì trói buộc¹⁶? Làm sao tự quán sát, ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh; ưu, bi, khổ, não đã sanh nay lại tăng trưởng rộng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói, sau khi chúng con nghe xong, sẽ y như những lời dạy mà làm theo.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, có sắc, nhân sắc mà trói buộc vào sắc; tự quán sát ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh, đã sanh rồi nay lại tăng trưởng rộng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

“Tỳ-kheo, có sắc nào là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi không?”

Đáp:

“Bạch không, Thế Tôn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nếu thiện nam tử biết sắc là vô thường, khổ, biến dịch, dục, diệt tận, tịch tĩnh; từ xưa tới nay tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch; biết rồi, nếu sắc là nhân duyên sanh ra ưu, bi, khổ, não, thì nên đoạn trừ chúng. Khi đã đoạn trừ rồi, thì không còn gì để chấp trước. Vì không chấp trước nên sống an vui. Khi đã sống an vui rồi, thì đó gọi là Niết-bàn. Đối với thọ tưởng, hành và thức lại cũng như vậy.”

Khi Đức Phật nói kinh này, thì mười sáu Tỳ-kheo không sanh các lậu, tâm đạt được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Kệ tóm tắt:

¹⁶. Pāli: kimjātikā... kimpahotikā, do cái gì chúng sinh? Do cái gì chúng hiện?

*Trúc viên, Tỳ-xá-ly,
Thanh tịnh, chánh quán sát,
Vô thường, khổ, phi ngã,
Năm, ba và mười sáu.*

M

KINH 37. NGÃ¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không tranh luận với thế gian. Thế gian tranh luận với Ta. Vì sao vậy? Tỳ-kheo, nếu người nào nói đúng pháp, thì người ấy không tranh luận với thế gian.

“Những gì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Thế nào là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có? Tỳ-kheo, sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, thì Ta cũng nói có.

“Những gì người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không. Thế nào là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không? Tỳ-kheo, sắc thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi, là điều người trí thế gian nói là không, thì Ta cũng nói là không. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi; là điều người trí nói không, thì Ta cũng nói không. Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

“Tỳ-kheo, có những pháp thế gian, ở trong thế gian¹⁸, Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người mà phân biệt, giảng nói, hiển thị, nhưng những kẻ mù không có mắt trong thế gian đã không biết, không thấy, đó không phải là lỗi của Ta.

“Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã

¹⁷. Quốc Dịch, phẩm 8, quyển 3. Pāli, S. 22. 94 Puppha (*bông hoa*), hay Vaddha (*tăng trưởng*).

¹⁸. Thế gian thế gian pháp ㊦㊧㊨㊩. Pāli: loke lokadhamma, pháp thế gian trong thế gian.

tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

“Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 38. TY HẠ¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Người đời làm nghề thấp hèn, bằng đủ mọi cách mưu sinh tìm cầu của cải, mà được giàu sang; điều đó người đời ai cũng biết. Như điều mà người đời biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Chớ nghĩ Ta khác người đời.

“Tỳ-kheo, giống như cùng một món đồ, có nơi người ta gọi là kiên-tỳ, có nơi gọi là bát, có nơi gọi là chủy-chủy-la, có nơi gọi là giá-lưu, có nơi gọi là tỳ-tất-đa, có nơi gọi là bà-xà-na, có nơi gọi là tát-lao²⁰, theo sự hiểu biết chỗ này hay chỗ kia. Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Đừng nghĩ Ta khác người đời.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, có pháp thế gian mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với

¹⁹. Pāli, S. 22. 94. Puppha (hay Vaddha).

²⁰. Kiên-tỳ —A chủy-chủy-la —P—P—A giá-lưu —B—d—A tỳ-tất-đa —s—x—h—A bà-xà-na —C—G—A tát-lao —c—A không rõ phiên âm từ gì.

những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được.”

“Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

“Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự biết, tự thấy,... cho đến, những kẻ mù không mắt, không biết không thấy, thì Ta làm gì được!”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M